



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60899747/16581883

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 22 tháng 3 năm 2014 và trình bày từ trang 6 đến trang 79, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1


Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0923-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B02/TCTD - HN

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	2.291.494	4.529.185
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	5	2.830.794	5.576.747
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	15.420.747	31.299.956
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		11.856.655	21.159.534
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		3.599.224	10.196.333
3	Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác		(35.132)	(55.911)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	919.608	768.958
1	Chứng khoán kinh doanh		921.035	800.370
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.427)	(31.412)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	40.868
VI	Cho vay khách hàng		69.088.680	67.136.307
1	Cho vay khách hàng	9	70.274.919	68.261.442
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.186.239)	(1.125.135)
VII	Chứng khoán đầu tư	11	49.845.591	46.654.293
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		46.169.754	43.895.517
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.693.837	3.092.452
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(18.000)	(333.676)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	128.625	92.825
4	Đầu tư dài hạn khác		128.625	92.825
IX	Tài sản cố định		1.032.737	1.146.424
1	Tài sản cố định hữu hình	13	656.656	819.766
a	Nguyên giá		1.234.437	1.271.647
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(577.781)	(451.881)
2	Tài sản cố định vô hình	14	376.081	326.658
a	Nguyên giá		552.644	444.629
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(176.563)	(117.971)
X	Bất động sản đầu tư	15	1.421.469	1.329.393
a	Nguyên giá		1.484.363	1.354.461
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(62.894)	(25.068)
XI	Tài sản có khác	16	15.916.918	21.358.642
1	Các khoản phải thu		10.345.060	15.173.649
2	Các khoản lãi, phí phải thu		5.256.518	5.895.197
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		28.578	34.765
4	Tài sản có khác		337.896	297.964
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác		(51.134)	(42.933)
	TỔNG TÀI SẢN		158.896.663	179.933.598

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B02/TCTD - HN

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	15.224.974	39.170.405
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		4.565.048	14.920.718
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		10.659.926	24.249.687
III	Tiền gửi của khách hàng	18	119.977.924	111.462.288
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và công nợ tài chính khác	8	73.157	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	64.137	127.953
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	5.643.295	10.450.843
VII	Các khoản nợ khác	21	3.993.107	5.432.533
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.861.191	2.069.183
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		2.020.106	3.247.288
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		111.810	116.062
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		144.976.594	166.644.022
VIII	Vốn và các quỹ	22	13.920.069	13.289.576
1	Vốn		8.878.079	8.848.079
a	Vốn cổ phần		8.878.079	8.848.079
2	Các quỹ		4.372.389	3.475.744
5	Lợi nhuận chưa phân phối		669.601	965.753
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.920.069	13.289.576
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		158.896.663	179.933.598

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B02/TCTD - HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	34		
1	Thư tín dụng		9.240.217	7.240.069
2	Cam kết bảo lãnh		11.338.315	7.426.416
II	CAM KẾT KHÁC			
1	Cam kết cho vay chưa giải ngân		476	476
2	Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		8.760.283	7.521.530

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Quyền Kế toán Trưởng



Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính
Tập đoàn

Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B03/TCTD – HN

		Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	13.281.305	17.622.864
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(8.945.643)	(12.507.291)
I	Thu nhập lãi thuần	23	4.335.662	5.115.573
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	1.150.038	1.051.286
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(413.795)	(485.883)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	736.243	565.403
III	Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	25	(121.501)	(138.863)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	105.137	2.701
V	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	160.910	(175.043)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	738.646	617.848
6	Chi phí hoạt động khác	28	(324.514)	(256.233)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	414.132	361.615
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	17.253	29.992
VIII	Chi phí hoạt động	30	(3.355.666)	(3.294.041)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.292.170	2.467.337
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(1.413.964)	(1.449.481)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		878.206	1.017.856
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(213.146)	(253.344)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(5.989)	1.174
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(219.135)	(252.170)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		659.071	765.686
XIV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	33	600	700
XV	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu) (số trình bày lại)	33	600	700

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Quyển Kế toán Trưởng



Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính
Tập đoàn



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 201

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B04/TCTD – HN

		Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		13.919.984	16.199.519
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.153.635)	(12.270.214)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		736.243	565.403
04	Số tiền thực thu/(chi) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán		144.546	(124.347)
05	Thu nhập khác/(chi phí khác)		(1.294.019)	153.288
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	28	63.392	52.908
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.292.795)	(3.089.693)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	32	(38.545)	(1.267.872)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		3.085.171	218.992
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		13.288.145	(1.867.010)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh		(1.171.702)	2.515.498
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		40.868	13.404
12	Cho vay khách hàng		(2.013.477)	(5.964.183)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng	10	(1.377.891)	(1.154.206)
14	Tài sản hoạt động khác		4.619.273	(3.533.051)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		-	(3.317.602)
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác		(23.945.431)	(8.962.338)
17	Tiền gửi của khách hàng		8.515.636	22.814.509
18	Phát hành giấy tờ có giá		(4.807.548)	(12.643.302)
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(63.816)	(124.445)
20	Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		73.157	-
21	Các công nợ hoạt động khác		(1.317.119)	1.628.787
22	Chi từ các quỹ	22	(436)	(3.367)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(5.075.170)	(10.378.314)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B04/TCTD – HN

	Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01 Mua sắm tài sản cố định		(202.299)	(1.743.677)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		677	431.276
04 Mua sắm bất động sản đầu tư		(129.902)	-
07 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(35.800)	(15.920)
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	29	17.253	29.992
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(350.071)	(1.298.329)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01 Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03 Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05 Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
06 Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	-
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(5.425.241)	(11.676.643)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM		22.621.969	34.298.612
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	35	17.196.728	22.621.969

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Quyển Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2014



Cử Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính
Tập đoàn



Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này